

TRƯỜNG THCS TÔ KÝ

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 7 NĂM HỌC 2021 - 2022

GVCN: THẦY NGUYỄN THANH TOÀN (SỐ ĐT:0933912688)



STT	Lớp cũ	Lớp mới	Họ tên	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ghi chú
1	6.15	7.14	NGUYỄN PHÚC	AN	15/07/2009	Nam	Kinh	
2	6.8	7.14	ĐÀO QUỐC	ANH	24/07/2009	Nam	Kinh	
3	6.3	7.14	HỒ NGỌC	ANH	11/09/2009	Nữ	Kinh	
4	6.8	7.14	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	ANH	21/11/2009	Nam	Kinh	
5	6.11	7.14	NGUYỄN HỒNG	ANH	13/12/2009	Nam	Kinh	
6	6.8	7.14	PHẠM HUỠNH	ANH	14/07/2009	Nữ	Kinh	
7	6.15	7.14	PHẠM THIÊN	ÂN	28/10/2008	Nam	Kinh	
8	6.14	7.14	NGUYỄN LAI GIA	BẢO	29/07/2009	Nam	Hoa	
9	6.14	7.14	NGUYỄN KHÁNH	BÌNH	13/03/2009	Nam	Kinh	
10	6.8	7.14	ĐỖ TUẤN	DŨNG	28/10/2009	Nam	Kinh	
11	6.11	7.14	LÊ QUANG	DŨNG	21/10/2009	Nam	Kinh	
12	6.3	7.14	ĐỖ DUY	ĐẠI	04/08/2009	Nam	Kinh	
13	6.13	7.14	NGUYỄN THÀNH TRƯỜNG	GIANG	23/10/2009	Nam	Kinh	
14	6.2	7.14	NGUYỄN TRƯỜNG	HẢI	02/07/2009	Nam	Kinh	
15	6.9	7.14	NGUYỄN XUÂN CÔNG	HIẾU	01/05/2009	Nam	Kinh	
16	6.6	7.14	TRẦN MINH	KHANG	11/12/2009	Nam	Kinh	
17	6.8	7.14	PHẠM THỊ TUYẾT	MAI	11/10/2009	Nữ	Kinh	
18	6.10	7.14	LÊ THỊ THU	NGÂN	23/03/2009	Nữ	Kinh	
19	6.2	7.14	LA NHƯ	NGỌC	21/01/2009	Nữ	Hoa	
20	6.6	7.14	LUYỆN BẢO	NGỌC	17/04/2009	Nữ	Kinh	
21	6.4	7.14	TRẦN THỊ BẢO	NGỌC	25/10/2009	Nữ	Kinh	
22	6.15	7.14	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	06/10/2009	Nam	Kinh	
23	6.11	7.14	TRẦN THIÊN	NHÂN	12/02/2009	Nam	Kinh	
24	6.2	7.14	NGUYỄN VĂN	PHÁT	20/09/2009	Nam	Kinh	
25	6.7	7.14	NGUYỄN HỮU	PHƯỚC	04/05/2009	Nam	Kinh	
26	6.5	7.14	PHẠM MINH	QUÂN	25/04/2009	Nam	Kinh	
27	6.13	7.14	HỒNG TÔ TRÍ	QUỐC	04/05/2009	Nam	Kinh	
28	6.16	7.14	TRẦN LÊ THỤC	QUYÊN	13/06/2009	Nữ	Kinh	
29	6.7	7.14	BÙI NGỌC TẤN	TÀI	28/12/2008	Nam	Kinh	
30	6.8	7.14	NGUYỄN ĐÌNH	TOÀN	09/07/2009	Nam	Kinh	
31	6.1	7.14	NGUYỄN ANH	TÚ	28/08/2009	Nam	Kinh	
32	6.16	7.14	HUỠNH THANH	THANH	11/12/2009	Nữ	Kinh	
33	6.3	7.14	LÊ PHƯƠNG	THẢO	05/12/2009	Nữ	Kinh	
34	6.9	7.14	NGUYỄN HỒNG MINH	THẢO	12/07/2009	Nam	Kinh	
35	6.4	7.14	NGUYỄN HỒNG	THẨM	06/12/2009	Nữ	Kinh	
36	6.13	7.14	THÂN ĐÔNG	THUẬN	10/10/2009	Nam	Kinh	
37	6.3	7.14	LÊ NGỌC MINH	THÙY	15/12/2009	Nữ	Kinh	
38	6.13	7.14	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	24/06/2009	Nữ	Kinh	
39	6.14	7.14	TRỊNH THỊ THU	TRANG	07/01/2009	Nữ	Kinh	

STT	Lớp cũ	Lớp mới	Họ tên	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ghi chú
40	6.8	7.14	VÕ NGUYỄN THÙY	TRANG	30/08/2009	Nữ	Kinh	
41	6.14	7.14	NGÔ MINH	TRÍ	11/02/2009	Nam	Kinh	
42	6.16	7.14	NGÔ THANH	TRÚC	01/08/2009	Nữ	Kinh	
43	6.16	7.14	NGUYỄN THANH	TRÚC	09/02/2009	Nữ	Kinh	
44	6.7	7.14	PHẠM NHẬT	TRƯỜNG	05/12/2009	Nam	Kinh	